

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

DI  
C  
RÁC  
D  
DNC

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Quyển	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

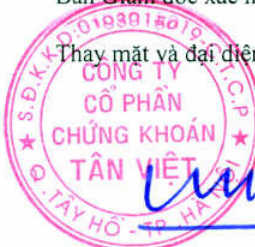
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Số: 232 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan.



**Hoàng Nam**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Xuân Ánh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0723/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)</b>	<b>100</b>		<b>2.845.309.695.775</b>	<b>1.981.251.728.254</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>272.601.963.924</b>	<b>90.861.009.064</b>
1. Tiền	111		272.601.963.924	90.861.009.064
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>158.224.860.821</b>	<b>92.897.894.887</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		193.621.250.194	128.721.354.447
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(35.396.389.373)	(35.823.459.560)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.413.417.311.857</b>	<b>1.795.548.550.212</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.636.338.741	72.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		1.559.777.189	105.401.900
3. Các khoản phải thu khác	138	<b>6</b>	2.408.221.195.927	1.795.370.648.312
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.065.559.173</b>	<b>1.944.274.091</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		657.833.680	1.431.545.817
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		407.725.493	512.728.274
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>11.949.631.318</b>	<b>16.074.926.759</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.265.545.740</b>	<b>13.291.173.435</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	9.185.093.461	10.803.746.833
- Nguyên giá	222		20.155.717.315	15.946.851.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.970.623.854)	(5.143.104.742)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.080.452.279	2.379.426.604
- Nguyên giá	228		5.040.823.297	4.723.015.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.960.371.018)	(2.343.588.946)
3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	107.999.998
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>150.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	251		-	150.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.684.085.578</b>	<b>2.633.753.324</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		624.200.070	2.247.120.000
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		694.370.508	124.489.244
3. Tài sản dài hạn khác	268		365.515.000	262.144.080
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>2.857.259.327.093</b>	<b>1.997.326.655.013</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B 01-CTCK  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.444.099.547.569</b>	<b>1.888.133.194.654</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>650.299.861.349</b>	<b>94.409.335.154</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	15.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.242.119.872	3.366.442.572
3. Người mua trả tiền trước	313		414.476.900	301.476.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	6.754.032.682	335.184.496
5. Phải trả người lao động	315		553.441.904	2.176.749.844
6. Chi phí phải trả	316	10	363.370.255.280	239.931.767
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		15.393.231	9.937.835
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	11	262.950.141.480	87.979.611.740
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.793.799.686.220</b>	<b>1.793.723.859.500</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	1.793.600.000.000	1.793.600.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		199.686.220	123.859.500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>413.159.779.524</b>	<b>109.193.460.359</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>413.159.107.774</b>	<b>109.192.788.609</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	128.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		199.079.724	199.079.724
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		62.960.028.050	(19.006.291.115)
<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>671.750</b>	<b>671.750</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.857.259.327.093</b>	<b>1.997.326.655.013</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
1 Chứng khoán lưu ký của các thành viên trong nước			722.865.000.000	320.042.430.000
1.1 Chứng khoán tự doanh của công ty			25.326.310.000	3.674.440.000
1.2 Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư			697.538.690.000	316.367.990.000



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 02-CTCK  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>526.433.739.282</b>	<b>291.734.824.822</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		37.487.259.354	14.716.870.570
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		78.866.981.446	3.250.751.511
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	7.312.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		10.797.681.610	6.198.289.962
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		16.240.790	-
- Doanh thu khác	01.9	14	399.265.576.082	267.561.600.779
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>3.646.115</b>	<b>19.823.639</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>526.430.093.167</b>	<b>291.715.001.183</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>15</b>	<b>421.037.542.612</b>	<b>296.855.097.049</b>
<b>5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>105.392.550.555</b>	<b>(5.140.095.866)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>16</b>	<b>12.562.955.425</b>	<b>15.264.665.763</b>
<b>7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>92.829.595.130</b>	<b>(20.404.761.629)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>210.699.841</b>	<b>930.277</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>154.137.500</b>	<b>5.525</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>56.562.341</b>	<b>924.752</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>92.886.157.471</b>	<b>(20.403.836.877)</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>17</b>	<b>10.919.838.306</b>	<b>-</b>
<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>81.966.319.165</b>	<b>(20.403.836.877)</b>
<b>14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>18</b>	<b>2.877</b>	<b>-</b>



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

  
 Lê Thanh Tùng  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	92.886.157.471	(20.403.836.877)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.444.301.184	5.534.198.930
Các khoản dự phòng	03	(427.070.187)	34.523.255.710
Chi phí lãi vay	06	363.371.483.333	220.876.800.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	463.274.871.801	240.530.417.763
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(617.664.754.467)	26.987.341.022
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	149.543.414.296	(445.344.361.696)
Giảm chi phí trả trước	12	2.396.632.067	355.929.430
Tiền lãi vay đã trả	13	(63.583.333)	(220.876.800.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.151.295.972)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	1.455.556	(393.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.663.260.052)</b>	<b>(398.740.973.481)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.385.791.488)	(7.052.762.607)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(62.087.398.505)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(64.899.895.747)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	150.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.539.902.147	270.186.796.442
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(48.595.785.088)</b>	<b>201.046.635.330</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	222.000.000.000	73.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(5.700.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>67.300.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>181.740.954.860</b>	<b>(130.394.338.151)</b>
Tiền tồn đầu năm	60	90.861.009.064	221.255.347.215
Tiền tồn cuối năm (70 = 50+60)	70	272.601.963.924	90.861.009.064

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 32.882.001 VND (2008: 1.434.306.894 VND); là số tiền dùng để mua tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính